

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ I
NĂM HỌC 2026-2027
MÔN ĐỊA LÍ 10

STT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Tổng lệnh hỏi theo nội dung	Cấp độ tư duy												Tổng % điểm
				Phần I			Phần II			Phần III			Phần IV			
				NB	TH	VD	NB	TH	VD	NB	TH	VD	NB	TH	VD	
1	Chương 1 BẢN ĐỒ	1. Phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ	2	1	1											7,4
2		2. Sử dụng bản đồ trong học tập và đời sống, một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống.	1												3,6	
3																
4	Chương 2 TRÁI ĐẤT	1. Sự hình thành Trái Đất, vỏ Trái Đất và vật liệu cấu tạo vỏ Trái đất	4	1	1		1	1								15,5
		2. Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất	11	2	1	1	1	1	1	0	1	2	0	1		42
		3. Thạch quyển, thuyết kiến tạo mảng	3	1		1	1								0,5	15
		4. Nội lực và ngoại lực	5	1	0	1	1	1							0,5	15,5
Tổng lệnh hỏi theo phần và cấp độ tư duy			26	6	3	4	4	3	1	0	1	2	0	1	1	100

Lưu ý:

- Các con số trong bảng thể hiện số lượng lệnh hỏi. Mỗi câu hỏi tại phần I và phần III là một lệnh hỏi; mỗi ý hỏi tại phần II là một lệnh hỏi. Phần IV 1 lệnh hỏi sẽ nhiều điểm hơn các lệnh hỏi trên.
- Phần I: Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (chỉ có một phương án đúng).
- Phần II: Câu trắc nghiệm đúng sai.
- Phần III: Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.
- Phần IV: Tự luận.

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ I NĂM HỌC 2026- 2027
MÔN ĐỊA LÍ 10

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số lệnh hỏi theo cấp độ tư duy		
				<i>Nhận biết</i>	<i>Thông hiểu</i>	<i>Vận dụng</i>
1	BẢN ĐỒ	<i>1. Phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ</i>	Nhận biết. Biết được một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ. Thông hiểu. Phân biệt được một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ.	1	1	0
2		<i>2. Sử dụng bản đồ trong học tập và đời sống, một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống.</i>	Nhận biết: Nêu được đối tượng biểu hiện của các phương pháp trên bản đồ; khái niệm và ứng dụng cơ bản của GPS. Thông hiểu: Giải thích được ưu điểm của bản đồ số và chọn đúng phương pháp biểu hiện cho các đối tượng cụ thể.	1	0	1
3						
4	TRÁI ĐẤT	<i>1. Sự hình thành Trái Đất, vỏ Trái Đất và vật liệu cấu tạo vỏ Trái đất</i>	Nhận biết: Nêu được độ dày vỏ Trái Đất, tên các nhóm đá cấu tạo nên vỏ Trái Đất. Thông hiểu: So sánh/phân biệt được đặc điểm cấu tạo vỏ lục địa, vỏ đại dương và quá trình hình thành các nhóm đá.	3	1	1
5		<i>2. Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất</i>	Nhận biết: Nêu được các hệ quả chuyển động tự quay và quanh Mặt Trời (múi giờ, ngày đêm luân phiên, các mùa, lực Co-ri-o-lit). Thông hiểu: Giải thích được hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa/vĩ độ, hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh; tính toán múi giờ cơ bản. Vận dụng: Áp dụng công thức tính giờ, chênh lệch giờ địa phương theo kinh độ, đổi ngày qua kinh tuyến 180°.	3	4	4
		<i>3. Thạch quyển, thuyết kiến tạo mảng</i>	Nhận biết: Nêu được khái niệm thạch quyển, các loại tiếp xúc mảng kiến tạo. Thông hiểu: Giải thích sự hình thành các dạng địa hình lớn (núi uốn nếp, vực sâu đại dương, vành đai động đất - núi lửa).	2	1	

		4. Nội lực và ngoại lực	Nhận biết: Nêu khái niệm và nguyên nhân về nội lực, ngoại lực. Thông hiểu: Giải thích nguyên nhân hình thành nội lực và ngoại lực Vận dụng: Vận dụng thuyết kiến tạo mảng giải thích Vành đai lửa Thái Bình Dương và tác động của nội - ngoại lực đến địa hình.	2	2	1
Số lệnh hỏi				10	8	8
Tổng hợp chung				40%	30%	30%